

**TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 60 /2019/DS-ST

Ngày 18-10-2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Đức Hoàng.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tiến.**

2. Ông **Nguyễn Văn Sanh.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 18.10.2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2019/TLST-DS ngày 07/06/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-DS ngày 11/09/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐXXST-DS ngày 02/10/2019 giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị C**; Sinh năm 1960 - Địa chỉ: 124 TM, quận Hải C, thành phố Đà N (Có mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Dương Thị H**; Sinh năm 1956 - Địa chỉ: K28/H03/19 D, phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà N (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

- Vào ngày 29/7/2010 bà C có cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **70.000.000đ** (Bảy mươi triệu đồng chẵn).

- Vào ngày 09/8/2010, bà C có cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **60.000.000đ** (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Vào ngày 14/8/2010, bà C có bà Dương Thị H mượn số tiền: **50.000.000đ** (năm mươi triệu đồng chẵn).

Tổng cộng ba lần là: **180.000.000đ** (một trăm tám mươi triệu đồng chẵn). Số tiền gốc là **180.000.000đ** (một trăm tám mươi triệu đồng chẵn) chị H trả, tiền lãi một tháng: **1.000.000đ**

lãi 1% tức là 10.000đ/tháng; 01 tháng 180.000.000đ x 1% = 1.800.000đ/tháng. Tiền lãi tính từ ngày 14/8/2010 đến tháng 4/2019: 115 tháng là: 1.800.000đ/tháng x 115 tháng = 207.000.000 (lãi). Tuy nhiên tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu bà H thanh toán tiền lãi **186.420.000 đồng** (tương đương 103 tháng 17 ngày).

- Vào ngày **16/11/2011**, bà C cho bà H mượn số tiền: **260.000.000đ** (hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) và bà H có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Dương Thị H số CNGSĐĐ AL 556944 thửa số 6, tờ bản đồ số KT01/1, Diện tích 74.2 m² do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp ngày 30/01/2008 để làm tin và bà H cam kết khi nào trả tiền thì mới lấy sổ về. Số tiền gốc 260.000.000đ lãi suất 1.000.000đ là 1%/tháng tức là 10.000đ (mười ngàn); Tiền lãi 1 tháng 260.000.000 x 1%/tháng = 2.600.000đ/tháng.

Tiền lãi tính từ ngày 16/11/2011 đến tháng 4/2019: 89 tháng; Số tiền lãi 89 tháng là: 2.600.000đ/tháng x 89 tháng = **231.400.000đ (lãi)**.

- Vào năm 2012, bà C cho bà H mượn số tiền: **106.000.000đ** (một trăm lẻ sáu triệu đồng chẵn) 1.000.000đ lãi suất 1%/tháng tức là 10.000 đ (mười ngàn); 106.000.000đ (gốc) x lãi suất 1%/tháng = 1.060.000đ/tháng.

Tiền lãi tính từ năm 2012 đến tháng 4/2019: 88 tháng x 1.060.000đ/tháng = **93.280.000đ (lãi)**.

Tổng cộng Số tiền gốc bà H mượn bà C 5 lần là:

180.000.000đ (3 lần) + 260.000.000đ + 106.000.000đ = 546.000.000 (Năm trăm bốn mươi sáu triệu đồng chẵn)

Tổng tiền lãi là: 186.420.000đ + 231.400.000đ + 93.280.000đ = 511.100.000đ (lãi)

(Năm trăm mười một triệu một trăm ngàn đồng chẵn)

Trong thời gian trên bà Hạnh trả tiền lãi : **52.000.000đ** (năm mươi hai triệu đồng chẵn):

- Năm 2010: trả 4.000.000đ
- Năm 2011: trả 2.000.000đ
- Năm 2013: trả 1.500.000đ
- Năm 2014: trả 2.000.000đ
- Năm 2015: trả 2.000.000đ
- Năm 2017, 2018, 2019: trả 30.500.000đ

Số tiền lãi còn lại là: 511.100.000đ – 52.000.000đ = 459.100.000đ

Tổng cộng gốc và lãi: (Gốc) 546.000.000đ + (Lãi) 459.100.000đ = 1.005.100.000đ

Toàn bộ số tiền trên bà H có viết giấy mượn tiền và có xác nhận chịu trách nhiệm trả, bà C có yêu cầu bà H trả số tiền trên nhưng bà H lấy lý do: Buôn bán quá ế, không trả được, chờ hai con ở nước ngoài về xin tiền trả cả gốc và lãi, nhưng đến nay cũng chưa thấy con về. Do vậy bà C làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng thụ lý giải quyết, buộc bà Dương Thị H phải có trách nhiệm trả số tiền mượn gốc (**Gốc**) 546.000.000đ + (**Lãi**) 459.100.000đ = **1.005.100.000đ** (Một tỷ không trăm lẻ năm triệu một trăm ngàn đồng chẵn).

Tại phiên tòa bà C rút tiếp một phần yêu cầu khởi kiện (phần lãi), bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H trả **1.000.000.000; trong đó gốc 546.000.000đ lãi 454.000.000đ.**

Đối với Bị đơn bà Dương Thị H trình bày: Bà H thừa nhận có mượn và nhận tiền trực tiếp của bà C và có xác nhận ký vào giấy mượn tiền của bà C mượn số tiền là 70.000.000 đồng vào ngày 29/7/2010; số tiền 60.000.000 đồng vào ngày 09/8/2010 và số tiền 50.000.000 đồng vào ngày 14/8/2010; Tổng số tiền mượn năm 2010 là 180 triệu đồng (bà H cho rằng bà mượn tiền giùm cho bà Trương Thị Kim L nên toàn bộ số tiền trên bà H đều cầm tiền trực tiếp từ bà C và đưa lại cho bà L, bà H không ăn lời gì từ số tiền đó; Nay bà C khởi kiện thì bà H xin chịu trách nhiệm trả số tiền trên.

Vào ngày 16/11/2011, bà H có viết giấy mượn tiền mượn của bà C và có nhận số tiền 260.000.000 đồng. Trong lúc mượn tiền, bà có đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Dương Thị H số CNGSDĐ AL 556944 thửa số E, tờ bản đồ số KT01/1, địa chỉ thửa đất: Lô E do Ủy ban nhân dân Phường H, quận H, thành phố Đ cấp ngày 30/01/2008 cho bà C giữ để làm tin. Bà H có cam kết khi nào trả hết tiền bà mới lấy sổ về.

Năm 2012, bà H có viết giấy mượn tiền của bà C và có nhận số tiền và ký vào giấy mượn tiền bà C số tiền 106.000.000 đồng và bà cho rằng, bà lại đưa những người ngoài Chợ đầu mối mượn lại và họ đã trả cho bà và bà có trả góp cho bà C.

Nay, bà H xác nhận có mượn của bà C tổng số tiền gốc là 546.000.000 đồng nhưng đã trả góp tiền gốc hàng ngày và số tiền 52.000.000 đồng mà bà C cho rằng đó là tiền lãi thì bà H không đồng ý vì số tiền 52.000.000 đồng là tiền gốc mà bà H trả góp. Đối với tiền lãi, bà H xác nhận bà C đều lấy tiền lãi trước mỗi lần cho mượn nhưng bà H không nhớ là bao nhiêu do khi trả bà không viết giấy.

Bà H cũng xác nhận hiện nay bà còn nợ bà C số tiền 546.000.000; đối với số tiền gốc bà cho rằng hàng ngày bà trả cho bà C có khi 300.000 đồng, 200.000 đồng có khi 100.000 đồng. Bà không nhớ đã trả cho bà C là bao nhiêu tiền gốc và đối với tiền lãi khi bà H cho mượn bà H đã đưa hết cho bà C.

Tuy nhiên, bà H đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần cho đến khi hết nợ. Ngoài ra, bà H có yêu cầu Tòa án đưa bà Trương Thị Kim L vào tham gia tố tụng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà H xác nhận bà L đã bỏ đi khỏi địa phương đi đâu và làm gì bà không biết cho nên không thể cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án, Sau này có tranh chấp bà sẽ làm việc với bà L sau.

Tại phiên tòa hôm nay: Bà H xác nhận bà còn nợ bà C số tiền 1.000.000.000 đồng trong đó (**Gốc**) 546.000.000đ, (**Lãi**) 454.000.000đ bà xin 01 năm sau con bà về bà sẽ trả hết cho bà C. Nếu không trả bà sẽ bán nhà trả cho bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Bà **Dương Thị H**; Sinh năm 1956; có nơi cư trú tại địa chỉ: K28/H03/19 D, phường H, quận H, thành phố Đ là bị đơn nên vụ án do Tòa án nhân dân quận H (Tòa án nơi bị đơn cư trú) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (hợp đồng vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Dương Thị H trả số tiền vay ; HĐXX nhận thấy chứng cứ do Nguyên đơn xuất trình có đủ cơ sở để xác định:

- Vào ngày 29/7/2010 bà C có cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **70.000.000đ** (Bảy mươi triệu đồng chẵn).

- Vào ngày 09/8/2010, bà C có cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **60.000.000đ** (Sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Vào ngày 14/8/2010, bà C có cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **50.000.000đ** (Năm mươi triệu đồng chẵn).

- Vào ngày 16/11/2011, bà C cho bà Dương Thị H mượn số tiền: **260.000.000đ** (Hai trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

- Vào năm 2012, bà C cho bà H mượn số tiền: **106.000.000đ** (Một trăm lẻ sáu triệu đồng chẵn).

Từ năm 2010 đến năm 2012 tổng số tiền gốc bà H mượn bà C tổng cộng 5 lần là: 546.000.000 đồng + Tiền lãi 511.100.000đ - 52.000.000 bà Cúc đã trả = 1.005.100.000 đồng.

Trước đây bà C khởi kiện yêu cầu 1.025.680.000 cả gốc và lãi; Nay tại phiên tòa bà C rút tiền lãi 25.680.000 đồng, bà chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà H trả **1.000.000.000 đ; trong đó gốc 546.000.000đ lãi 454.000.000đ.**

Xét đây là tranh chấp vay tài sản không kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng; Lãi trả góp nên thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với Điều 116, 119 Bộ luật dân sự; Vì vậy có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nên. Tại phiên tòa hôm nay, bà C yêu cầu Tòa án buộc bà H trả số tiền nói trên; HĐXX xét thấy là có cơ sở cần được chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn; Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự 2015; Buộc bà H trả cho bà Cúc số tiền 1.000.000.000 đồng trong đó; tiền gốc là 546.000.000đ và tiền lãi là 454.000.000 đồng.

[2.2]. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu một phần lãi số tiền 25.680.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện; Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn;

[2.3]. Đối với ý kiến Bị đơn : Bà H cũng xác nhận có mượn bà C số tiền gốc 546.000.000 đ; bà cho rằng hàng ngày bà trả cho bà C có khi 300.000 đồng, 200.000 đồng có

khi 100.000 đồng. Bà không nhớ đã trả cho bà C là bao nhiêu tiền gốc và đối với tiền lãi khi bà C cho mượn bà H đã đưa hết cho bà C.

HĐXX xét thấy việc bà H cho rằng bà đã trả cho bà C số tiền gốc đã góp hàng ngày khi 300.000 đồng, 200.000 đồng có khi 100.000 đồng. Tòa án yêu cầu bà cung cấp chứng cứ của việc trả số tiền gốc nói trên thì bà không cung cấp và bà đã trả được bao nhiêu thì bà không biết và không có giấy tờ gì chứng minh.

Đối với số tiền 52 triệu đồng bà H cho rằng đó là tiền gốc và bà C cho rằng tiền lãi; HĐXX xét thấy theo bản cam kết của bà H ngày 07/5/2019 cũng xác nhận bà còn nợ tiền gốc và tiền lãi trả không đủ cho bà C và bà H cũng không có giấy tờ gì chứng minh số tiền trả trên là tiền gốc; HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với số tiền lãi bà cho rằng bà đã trả lãi cho bà C ngay khi bà C cho mượn tiền là trả lãi luôn một lần; bà H cũng không chứng minh được về số tiền bà đã đưa cho bà C tiền lãi là bao nhiêu; đồng thời căn cứ vào giấy xác nhận mà bà C cam kết ngày 07/5/2019 thì bà cam kết còn nợ tiền bà C từ năm 2010, 2011, 2012 và tiền lãi mỗi tháng là 01 triệu đồng/01 tháng/10.000đồng và bà hẹn con bà ở nước ngoài về cho tiền bà thì bà sẽ trả gốc và lãi. Như vậy chứng tỏ bà H còn nợ tiền lãi và việc bà C khai là bà đã trả tiền lãi ngay khi bà C cho mượn tiền và trả lãi hàng ngày là hết sức mâu thuẫn, bất nhất nên HĐXX không có căn cứ để chấp nhận.

[2.4]. Tại phiên Tòa hôm nay: Bà C chỉ yêu cầu bà H trả 1.000.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 546.000.000đ và tiền lãi là 454.000.000 đồng. Bà H đồng ý xác nhận bà còn nợ bà C số tiền 1.000.000.000 đồng nhưng bà xin 01 năm sau bà sẽ trả; nếu không trả bà sẽ bán nhà trả cho bà C, nhưng bà Nguyễn Thị C không đồng ý nên HĐXX không có cơ sở chấp nhận.

[2.5]. Đối với bà Trương Thị Kim L, bà H yêu cầu đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì trong Giấy mượn tiền ngày 09/8/2010 số tiền 60.000.000 đồng và ngày 14/8/2010 mượn sơ tiền 50.000.000 đồng; Trong Giấy mượn tiền có viết tên bà L có ký nhận và số tiền này bà H xác nhận mượn cho bà L. Tuy nhiên Tòa án cũng yêu cầu bà H cung cấp địa chỉ cụ thể của bà L thì bà H xác nhận bà L đã bỏ đi khỏi địa phương và bà H xác nhận bà chịu trách nhiệm trả cho bà C; Còn đối với bà L khi nào bà L về bà H sẽ làm việc hoặc nếu có tranh chấp bà sẽ khởi kiện vụ án khác. Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án cũng giải thích và có thông báo bằng công văn cho bà H có yêu cầu phản tố không, cũng như cần đưa những người làm chứng để đảm bảo quyền lợi cho bà nhưng bà H không có yêu cầu gì; không có yêu cầu phản tố, nên HĐXX không xem xét.

[2.6]. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Dương Thị H sinh năm 1956; Địa chỉ thường trú phường Hòa T, quận Hải C, thành phố Đà N; số CNGSĐĐ AL 556944 thửa số E, tờ bản đồ số KT01/1; Diện tích 74.2 m²; địa chỉ thửa đất: Lô E do Ủy ban nhân dân thành phố Đà N cấp ngày 30/01/2008; Khi vay bà H có đưa sổ cho bà C làm tin và bà H xác nhận khi nào trả tiền thì bà H mới lấy GCNQSD đất về hoặc đề nghị Tòa án căn cứ luật giải quyết; HĐXX xét thấy việc bà C cầm GCNQSD đất nói trên; bà C không có chức năng cầm cố, cầm giữ không qua công chứng chứng thực là trái quy định pháp luật, nên bà C phải có nghĩa vụ trả lại GCNQSD đất nói trên cho bà H.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí; Do chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C nên Bị đơn bà Dương Thị H phải chịu số tiền án phí là: **42.000.000** đồng. Tuy nhiên bà H có đơn xin miễn án phí vì bà H trên 60 tuổi nên HĐXX xét thấy có cơ sở cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 116, 119, 357, 463, 465, 466, 469 và khoản 2 Điều 468, 579 và 688 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với bà Dương Thị H.

Xử: Buộc bà **Dương Thị H** thanh toán cho bà **Nguyễn Thị C** số tiền tổng cộng là **1.000.000.000** đồng; trong đó **tiền gốc là 546.000.000đ, tiền lãi là 454.000.000đ.**

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) mà bà Dương Thị H không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả lại bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà Dương Thị H sinh năm 1956; Địa chỉ thường trú phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà N; số CNGSDĐ AL 556944 thửa số E, tờ bản đồ số KT01/1, địa chỉ thửa đất: Lô E do Ủy ban nhân dân Phường Hòa Thuận Đ, quận Hải C, thành phố Đà N cấp ngày 30/01/2008 cho bà Dương Thị H.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của Nguyên đơn về tiền lãi là 25.680.000 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 42.000.000 đồng Bà Dương Thị H phải chịu; nhưng bà Dương Thị H thuộc diện miễn nộp tiền án phí.

Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **21.385.200** đồng (*Hai mươi một triệu ba trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm đồng y*) theo biên lai thu số 0007168 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đ.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Đức Hoàng

